

TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VỀ KỸ THUẬT

Gói thầu: SCL2026-02: Bảo dưỡng sửa chữa hợp bộ máy cắt đầu cực tổ máy H2 NMTĐ Sê San 3 sau 20 năm vận hành

(tập tin đính kèm Mục 3, Chương III)

| STT | NỘI DUNG YÊU CẦU | MỨC ĐỘ ĐÁP ỨNG | |
|----------|--|---|--|
| | | ĐẠT | KHÔNG ĐẠT |
| 1 | YÊU CẦU CHUNG | | |
| 1.1 | Yêu cầu kỹ thuật chung | Đáp ứng tất cả các các yêu cầu chung của E-HSMT tại Chương V (tham chiếu điểm “3.1. Yêu cầu kỹ thuật chung” tập tin Yêu cầu kỹ thuật đính kèm chương V của E-HSMT) | Không đáp ứng một trong các yêu cầu chung của E-HSMT tại Chương V (tham chiếu điểm “3.1. Yêu cầu kỹ thuật chung” tập tin Yêu cầu kỹ thuật đính kèm chương V của E-HSMT) |
| 1.2 | Yêu cầu đối với chuyên gia | Chuyên gia do nhà thầu đề xuất để thực hiện các nội dung dịch vụ kỹ thuật của gói thầu này phải có chứng chỉ do hãng sản xuất ABB (nay là Hitachi Energy) cấp, được phép thực hiện các công việc liên quan đến máy cắt đầu cực. | Thuộc một trong các trường hợp sau đây: - Nhà thầu không đề xuất chuyên gia để thực hiện các nội dung dịch vụ kỹ thuật của gói thầu này. - Có đề xuất chuyên gia để thực hiện dịch vụ gói thầu nhưng không có chứng chỉ do hãng sản xuất ABB (nay là Hitachi Energy) cấp, hoặc có chứng chỉ nhưng không phù hợp được phép thực hiện các công việc liên quan đến máy cắt đầu cực. |
| 2 | YÊU CẦU GIẢI PHÁP VÀ PHƯƠNG PHÁP LUẬN | | |
| 2.1 | Giải pháp và phương pháp luận | Đáp ứng tất cả các nội dung sau đây: - Nhà thầu có đề xuất giải pháp và phương pháp luận đầy đủ phạm vi công việc của gói thầu (tham chiếu tại “1.2. Phạm vi cung cấp” tập tin Yêu cầu kỹ thuật đính kèm chương V của E-HSMT). - Giải pháp và phương pháp luận có thuyết minh mô | Thuộc một trong các trường hợp sau đây: - Nhà thầu không đề xuất giải pháp và phương pháp luận, hoặc có đề xuất nhưng không đầy đủ phạm vi công việc của gói thầu (tham chiếu tại “1.2. Phạm vi cung cấp” tập tin Yêu cầu kỹ thuật đính kèm chương V của E-HSMT). |

| STT | NỘI DUNG YÊU CẦU | MỨC ĐỘ ĐÁP ỨNG | |
|----------|---|--|---|
| | | ĐẠT | KHÔNG ĐẠT |
| | | <p>tả kế hoạch bố trí nhân sự để thực hiện đầy đủ các dịch vụ kỹ thuật, kế hoạch bố trí nhân sự phải hợp lý và khả thi.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giải pháp và phương pháp luận phải nêu được các nội dung công việc bảo dưỡng chính cần thực hiện cho từng dịch vụ của gói thầu. - Có đề xuất giải pháp cung cấp vật tư phục vụ bảo dưỡng máy cắt phù hợp với yêu cầu kỹ thuật của gói thầu. - Có đề xuất các biện pháp đảm bảo an toàn, vệ sinh lao động khi thực hiện công việc. - Có trình bày các biện pháp đảm bảo PCCN khi thực hiện công việc. - Có trình bày các biện pháp bảo vệ môi trường khi thực hiện công việc. | <ul style="list-style-type: none"> - Giải pháp và phương pháp luận không có thuyết minh mô tả kế hoạch bố trí nhân sự, hoặc có nhưng không đảm bảo thực hiện đầy đủ các dịch vụ kỹ thuật, hoặc kế hoạch bố trí nhân sự không hợp lý hoặc không khả thi. - Giải pháp và phương pháp luận không nêu được các nội dung công việc bảo dưỡng chính cần thực hiện cho từng dịch vụ của gói thầu. - Không đề xuất giải pháp cung cấp vật tư phục vụ bảo dưỡng máy cắt phù hợp với yêu cầu kỹ thuật của gói thầu. - Không đề xuất các biện pháp đảm bảo an toàn, vệ sinh lao động khi thực hiện công việc. - Không trình bày các biện pháp đảm bảo PCCN khi thực hiện công việc. - Không trình bày các biện pháp bảo vệ môi trường khi thực hiện công việc. |
| 3 | TIẾN ĐỘ, BẢO HÀNH, TÀI LIỆU VÀ HỒ SƠ | | |
| 3.1 | Tiến độ chi tiết cung cấp hàng hóa và dịch vụ | <p>Hồ sơ đề xuất kỹ thuật của nhà thầu có Biểu tiến độ chi tiết về cung cấp hàng hóa và dịch vụ và đáp ứng yêu cầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổng thời gian thực hiện gói thầu (cung cấp hàng hóa, vật tư thiết bị thực hiện bảo dưỡng, thí nghiệm, nghiệm thu bàn giao) \leq 280 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực. - Trong đó thời gian sửa chữa, bảo dưỡng, thí nghiệm, nghiệm thu bàn giao trong vòng 20 ngày kể | <p>Thuộc một trong các trường hợp sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hồ sơ đề xuất kỹ thuật của nhà thầu không có Biểu tiến độ chi tiết về cung cấp hàng hóa và dịch vụ; - Tổng thời gian thực hiện gói thầu (cung cấp hàng hóa, vật tư thiết bị thực hiện bảo dưỡng, thí nghiệm, nghiệm thu bàn giao) $>$ 280 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực. - Thời gian sửa chữa, bảo dưỡng, thí nghiệm, nghiệm |

| STT | NỘI DUNG YÊU CẦU | MỨC ĐỘ ĐÁP ỨNG | |
|----------|--|---|--|
| | | ĐẠT | KHÔNG ĐẠT |
| | | từ ngày bàn giao mặt bằng (dự kiến bắt đầu từ ngày 25/5/2026) | thu bàn giao > 20 ngày kể từ ngày bàn giao mặt bằng |
| 3.2 | Bảo hành | Có cam kết bảo hành ít nhất 12 tháng kể từ ngày ký biên bản nghiệm thu hàng hoá. | Không có cam kết bảo hành hoặc có nhưng không đáp ứng yêu cầu: Thời gian bảo hành ít nhất 12 tháng kể từ ngày ký biên bản nghiệm thu hàng hoá. |
| 3.3 | Yêu cầu về kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm | Nhà thầu có cam kết về “kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm” đáp ứng yêu cầu của E-HSMT (tham chiếu mục “5. Quy định về kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm” của tập tin Yêu cầu kỹ thuật đính kèm chương V của E-HSMT) | Nhà thầu không có cam kết về “kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm” ; hoặc có cam kết nhưng đáp ứng yêu cầu của E-HSMT (tham chiếu mục “5. Quy định về kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm” của tập tin Yêu cầu kỹ thuật đính kèm chương V của E-HSMT) |
| 3.4 | Các yêu cầu về tài liệu kỹ thuật, hồ sơ thi công | Nhà thầu có cam kết cung cấp tài liệu kỹ thuật, hồ sơ thi công đáp ứng yêu cầu của E-HSMT (tham chiếu mục “3.3. Yêu cầu về tài liệu kỹ thuật, hồ sơ thi công” của tập tin Yêu cầu kỹ thuật đính kèm chương V của E-HSMT) | Nhà thầu không có cam kết cung cấp tài liệu kỹ thuật, hồ sơ thi công; hoặc có cam kết nhưng không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT (tham chiếu mục “3.3. Yêu cầu về tài liệu kỹ thuật, hồ sơ thi công” của tập tin Yêu cầu kỹ thuật đính kèm chương V của E-HSMT) |
| 4 | UY TÍN CỦA NHÀ THẦU | | |
| 4.1 | Kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP | Nhà thầu không có vi phạm | Nhà thầu thuộc danh sách Tổ chức, cá nhân vi phạm (còn trong thời gian hiệu lực xử phạt và trong phạm vi áp dụng xử phạt) đã đăng tải trên hệ thống đấu thầu quốc gia |
| | KẾT LUẬN | | |
| | ĐẠT | E-HSDT được đánh giá là đạt yêu cầu về kỹ thuật khi tất cả các tiêu chuẩn được đánh giá là đạt hoặc chấp nhận được | |

| STT | NỘI DUNG YÊU CẦU | MỨC ĐỘ ĐÁP ỨNG | |
|-----|------------------|----------------|---|
| | | ĐẠT | KHÔNG ĐẠT |
| | KHÔNG ĐẠT | | E-HSDT không đạt một trong các tiêu chuẩn thì được đánh giá là không đạt và không được xem xét, đánh giá bước tiếp theo. |

Lưu ý:

- Nhà thầu chào giá theo bảng Phạm vi cung cấp của gói thầu tại Mẫu webform trên Hệ thống, phần khối lượng phục vụ (vật liệu phụ, vận chuyển, vệ sinh v.v...) nhà thầu tự xác định và phân bổ vào các công việc chính của gói thầu.

- Thuế suất VAT của hàng hóa và dịch vụ trong giá gói thầu được tính là 10%. Nhà thầu chào giá theo thuế suất VAT cùng mặt bằng thuế suất VAT bao gồm trong giá gói thầu. Trong trường hợp nhà thầu phát hiện thuế suất VAT chưa phù hợp thì Hai Bên sẽ hoàn thiện trong quá trình hoàn thiện hợp đồng (nếu nhà thầu được mời hoàn thiện hợp đồng).